

BÀI 28:

TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN
I. SỰ HÌNH THÀNH CỦA TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VIỆT NAM

- Khái niệm:

- + Truyền thống là những yếu tố về sinh hoạt xã hội, phong tục, tập quán, lối sống, đạo
- Lòng yêu nước bắt nguồn từ những tình cảm đơn giản, trong một không gian nhỏ hẹp như: Tình yêu gia đình, yêu quê hương nơi chôn nhau cắt rốn, nơi mình sinh sống gắn bó (Đó là những tình cảm gắn với địa phương).
- Từ khi hình thành quốc gia dân tộc Việt: văn Lang – Âu Lạc những tình cảm gắn bó mang tính địa phương phát triển thành tình cảm rộng lớn – lòng yêu nước.
- Ở thời kỳ Bắc thuộc lòng yêu nước biểu hiện rõ nét hơn.
- + Qua ý thức bảo vệ những di sản văn hoá của dân tộc.
- + Lòng tự hào về những chiến công, tôn kính các vị anh hùng để từ đó hình thành truyền thống yêu nước Việt Nam.

II. PHÁT TRIỂN VÀ TÔI LUYỆN TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC TRONG CÁC THẾ KỶ PHONG KIẾN ĐỘC LẬP

- *Bối cảnh Lịch sử : SGK*

- *Biểu hiện:*

- + Ý thức vươn lên xây dựng phát triển nền kinh tế tự chủ, nền văn hoá đậm đà bản sắc truyền thống của dân tộc.
- + Tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc của mỗi người Việt.
- + Ý thức đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- + Lòng tự hào dân tộc, biết ơn tổ tiên.
- + Ý thức vì dân, thương dân của giai cấp thống trị tiến bộ – yêu nước gắn với thương dân – mang yếu tố nhân dân.

III. NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

- Dân tộc Việt Nam đã trải qua nhiều cuộc đấu tranh chống giặc ngoại xâm.
 - Trong đấu tranh chống giặc ngoại xâm nhân dân Việt Nam đã đoàn kết nhất trí đồng lòng vượt qua gian khổ, chiến đấu dũng cảm giành thắng lợi cuối cùng.
 - Cũng trong chiến đấu chống ngoại xâm lòng yêu nước trở nên trong sáng chân thành và cao thượng hơn bao giờ hết.
- Đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập trở thành nét đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam.

CHƯƠNG I:
CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN
(Từ giữa thế kỷ XVI đến cuối thế kỷ XVIII)

BÀI 29:
CÁCH MẠNG HÀ LAN VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH

I - Cách mạng Hà Lan:

(Đọc thêm ở SGK)

II - Cách mạng tư sản Anh :

1. Tình hình nước Anh trước cách mạng:

a. **Kinh tế:** phát triển nhất châu Âu,

+ Công nghiệp: công trường thủ công chiếm ưu thế.

+ Thương nghiệp: chủ yếu buôn bán len dạ và nô lệ

+ Nông nghiệp: CNTB sớm thâm nhập, giai cấp quý tộc mới hình thành.

b. **Chính trị - xã hội :**

Chính trị: nền quân chủ chuyên chế.

Quý tộc Phong kiến mâu thuẫn sâu sắc với quý tộc mới, tư sản và nông dân.

=> yêu cầu: lật đổ PK mở đường cho CNTB phát triển, giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

2. Diễn biến:

Giai đoạn 1: 1642-1648:

- 8/1642: nội chiến giữa vua và quốc hội bùng nổ.

- 1649, Charles I bị bắt và bị xử tử. Anh trở thành nước cộng hòa. Cách mạng đạt tới đỉnh cao.

- 1653, Cromwel lên làm Bảo hộ công, thiết lập nền độc tài quân sự.

Giai đoạn 2: 1660-1689:

- 1660, thiết lập nền quân chủ,

- 1689, sau khi Cromwel mất, Quốc hội tổ chức chính biến đưa Wilhelm Orange lên ngôi vua, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến..

3. Tính chất và ý nghĩa:

+ Là cuộc CMTS do Quý tộc mới và giai cấp tư sản lãnh đạo được đông đảo quần chúng nhân dân ủng hộ đã lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho CNTB ở Anh phát triển

+ Là cuộc cách mạng chưa triệt để vì vẫn còn Vua và nhân dân chưa hưởng quyền lợi

+ Là sự kiên trọng đại mở đầu thời kỳ quá độ từ chế độ phong kiến sang CNTB.

BÀI 30:
CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC
THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MỸ

1. Sự phát triển của CNTB ở Bắc Mỹ. Nguyên nhân bùng nổ chiến tranh:

- Đầu thế kỷ XVIII, người Anh lập được 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- Kinh tế ở Bắc Mỹ phát triển, cạnh tranh gay gắt với kinh tế Anh nên chính phủ Anh tìm cách kìm hãm bằng chế độ thuế khóa nặng nề và các điều luật vô lý...
- => Sự kìm hãm của chính phủ Anh làm cho mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, dẫn đến chiến tranh bùng nổ.

2. Chiến tranh bùng nổ. Sự thành lập Hợp chúng quốc Mỹ.

a, Giai đoạn 1 (1775-1777):

- + Năm 1775 chiến tranh bùng nổ, dân thuộc địa dưới sự chỉ huy của Washinton, phong trào đấu tranh lên cao, 13 thuộc địa lần lượt đòi tách khỏi nước Anh.
- + Ngày 4-7-1776 đại hội họp ở Philadenphia, thông qua tuyên ngôn độc lập, tuyên bố thành lập Hợp chúng Quốc Mỹ.

b, Giai đoạn 2 (1777-1783)

- + Ngày 17-10-1777 quân thuộc địa thắng lớn ở Xatôga tạo ra bước ngoặt của cuộc chiến.
- + Năm 1781 trận Íóc tao giành thắng lợi quyết định, 1782 chiến tranh kết thúc.
- + 1783, Anh công nhận nền độc lập cho 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.

3. Kết quả và ý nghĩa của chiến tranh giành độc lập

Kết quả:

- Theo hoà ước Vecsai, Anh công nhận nền độc lập cho 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.
- Năm 1787 Hiến pháp tư sản ra đời, Mỹ là nước cộng hoà liên bang.

Ý nghĩa:

- Giải phóng Bắc Mỹ khỏi chính quyền Anh.
- Mở đường cho tư sản ở Bắc Mỹ phát triển.
- Cổ vũ tinh thần chống phong kiến ở Châu Âu và phong trào GPDT ở Mỹ latinh

BÀI 31:
CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP CUỐI THẾ KỶ XVIII

I. Nước Pháp trước cách mạng

1. Tình hình kinh tế xã hội:

a, Kinh tế:

+ Nông nghiệp: Cuối thế kỷ XVIII Pháp vẫn là nước có nền nông nghiệp lạc hậu, bị phong kiến cản trở.

+ Công thương nghiệp: phát triển, máy móc được sử dụng ngày càng nhiều, nhân công đông và sống tập trung...

b, Chính trị:

Pháp là nước quân chủ chuyên chế do Lui XVI cai trị độc đoán.

C, Xã hội: Chia làm 3 đẳng cấp: Tầng Lữ-Quý tộc - Đẳng cấp thứ 3 (TS, VS, nd, người bình dân...)
=>Như vậy; xã hội Pháp mâu thuẫn gay gắt. (đẳng cấp 3 >< với đẳng cấp 1,2)

2. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng:

+ Quan điểm tiêu biểu của Mông-te-xki-ơ,

+ Quan điểm tiêu biểu của Vôn-te,

+ Quan điểm tiêu biểu của Ru-xô.

Trào lưu “ triết học ánh sáng” tạo điều kiện thúc đẩy sự thức tỉnh của mọi tầng lớp nhân dân trước cách mạng.

II. Tiến trình của cách mạng:

1. Cách mạng bùng nổ. Nền quân chủ lập hiến:

a, Cách mạng bùng nổ:

+ Ngày 5-5-1789 do khó khăn về tài chính, Vua Lui XVI triệu tập hội nghị 3 đẳng cấp, tại hội nghị do bất đồng về tài chính, đẳng cấp 3 tự tuyên bố thành lập QH.

- Tháng 7-1789 tuyên bố là QH LH, vua và quý tộc tập chung quân đàn áp.

- Ngày 14-7-1789 quần chúng Paris phẫn nộ, kéo đến phá ngục Baxti, mở đầu cho cách mạng Pháp.

b, Nền quân chủ lập Hiến:

- Thắng lợi ngày 14/7 đưa Đại tư sản tài chính lên nắm quyền (Phái Lập Hiến):

+ Thông qua tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền (8/1789), và ban hành nhiều chính sách khuyến khích công thương nghiệp phát triển.

+ Tháng 9/1791 thông qua hiến pháp, xác lập nền chuyên chính tư sản. (Quân Chủ LH)

- Ngày 11/7/1792 QH tuyên bố Tổ quốc lâm nguy, quần chúng tự vũ trang bảo vệ tổ quốc.

2. Tư sản công thương cầm quyền. Nền công hoà được thành lập:

+ Ngày 10/8/1792 quần chúng nổi dậy, lập

Chính quyền công xã cách mạng (phái Girôngđanh) bắt giam Vua và Hoàng Hậu.

+ 9/1792 QH phế truất Vua, thiết lập nền cộng Hoà thứ nhất.

- + 21/1/1793 Vua Louis XVI bị xử tử.
- + Đầu năm 1793 nước Pháp đứng trước nhiều khó khăn.(thù trong, giặc ngoài)
- + Tháng 5/1793 phái Girôngđanh bị lật đổ, chính quyền về tay phái Giacôbanh.

3. Nền chuyên chính Giacôbanh- đỉnh cao của cách mạng; Đỉnh cao của cách mạng Pháp:

-Ngày 2/6/1793 quân chúng nhân dân do Robespier lãnh đạo đứng lên khởi nghĩa đưa cách mạng đến đỉnh cao.

- Những biện pháp kịp thời, hiệu quả:

+Giải quyết ruộng cho nd và tiền lương cho cn.

+Thông qua hiến pháp mới, mở rộng tự do,dân chủ , xoá nạn đầu cơ tích trữ.

+Ban hành lệnh tổng động viên , xoá bỏ các nghĩa vụ phong kiến...

***Kết quả** : Cuối năm 1793 bạo động bị chặn đứng ,mùa xuân 1794 quân Pháp đánh bại liên minh Châu Âu .

4. Thời kỳ thoái trào:

+ Khi chiến tranh bị đẩy lùi, nội bộ phái Giacôbanh chia rẽ, tiến hành cuộc đảo chính (7/1794), giết chết Robespier , Ủy ban đốc chính được thành lập , quyền lực tập trung vào 5 uỷ viên,thời kỳ dân chủ kế thúc, nước Pháp mất ổn định.

+ Tháng 11/1799 Napoleon đảo chính,thiết lập chế độ độc tài quân sự, đưa nước Pháp sang thời kỳ lịch sử mới.

III. Ý nghĩa lịch sử của cách mạng Pháp cuối thế kỷ XVIII:

+ Hoàn thành nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản.

+ Tạo điều kiện cho CNTB phát triển .

+ Giai cấp tư sản lãnh đạo ,nhưng quần chúng quyết định tiến trình của cách mạng.

+ Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới.

BÀI 32 : CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP Ở CHÂU ÂU

1. Cách mạng công nghiệp ở nước Anh:

***. Tiền đề của cách mạng công nghiệp Anh:**

-**Kinh tế:** tư bản phát triển mạnh, giai cấp tư Sản tích lũy được số vốn tư bản lớn.

-**Nhân công:** đông đảo.

-**Những cải tiến kỹ thuật:** phân công lao động hợp lý, tạo điều kiện để phát minh ra máy móc.

=> **Nước Anh có đủ các điều kiện để khởi đầu cuộc cách mạng CN , nhằm chuyển nền sản xuất thủ công sang máy móc.**

***. Những phát minh về máy móc:**

- Năm 1764 Giem Harivơ phát minh ra chiếc máy kéo sợi Gienni.

- Năm 1769 Ác crai tơ chế ra máy kéo sợi chạy bằng sức nước.

- Năm 1779 Crôm-ton cải tiến máy kéo sợi tạo ra sản phẩm đẹp, bền hơn

- Năm 1785 Cácrai chế tạo ra máy dệt chạy bằng sức nước , năng suất tăng 40 lần.

- Năm 1784 Giem Oát phát minh ra máy hơi ,sau sử dụng trong giao thông vận tải.

- Luyện kim: Năm 1735 phát minh ra phương pháp nấu than cốc luyện gang thép, năm 1784 lò luyện gang đầu tiên được xây dựng.

- Giao thông vận tải: Năm 1814 Xti-phen-xon chế tạo thành công đầu máy xe lửa.

=> **Đến giữa thế kỷ XIX Anh trở thành công xưởng của thế giới.**

2. Cách mạng công nghiệp ở Pháp –Đức: (đọc thêm).

3. Hệ quả :

a. Về kinh tế:

-Năng suất lao động cao và tạo ra một khối lượng sản phẩm lớn cho xã hội.

-Thay đổi bộ mặt các nước TB, nhiều trung tâm CN và KT lớn ra đời.

b. Về xã hội:

-Hình thành 2 gc mới (TS & VS)

-GC Tư Sản có thể lực KT & CT (Thông trị)

-GCVS bị bóc lột, lương thấp, đời sống khó khăn, dẫn đến bùng nổ phong trào đấu

BÀI 34:
CÁC NƯỚC TƯ BẢN CHUYỂN SANG GIAI ĐOẠN
ĐẾ QUỐC CHỦ NGHĨA

I. Những thành tựu về KHKT cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

1. Khoa học: cuối thế kỷ XIX, khoa học có những bước tiến lớn lao:

Vật lý:

- những phát minh về điện của Ohm, Jun, Lenxơ,
- Thuyết điện tử của Thompson,
- Những phát hiện về hiện tượng phóng xạ của Bec-ơ-ren, và Mari Quy-ri,
- Cấu trúc vật chất của Rô-dơ-pho,
- Phát minh tia X để chẩn đoán bệnh của V. Rơn-ghen...

- **Hóa học:** định luật tuần hoàn của Mendeleev...

- **Sinh học:** Thuyết tiến hóa và di truyền của Darwin, phát hiện vi trùng và chế tạo vắc-xin chống bệnh chó dại của L. Pasteur...

=> Nâng cao sản xuất và phục vụ đời sống con người

2. Kỹ thuật:

- Kỹ thuật luyện kim, đặc biệt là thép được cải tiến
- Thành tựu quan trọng nhất là việc chế tạo thành công máy phát điện (đinamô) của nhà bác học Bĩ Gram, thúc đẩy việc sử dụng năng lượng điện.
- 1913, tuốc-bin hơi nước ra đời, cung cấp nguồn điện năng mạnh mẽ và rẻ tiền.
- **GTVT:** nhiên liệu mới: dầu hỏa. Đặc biệt cuối 1903, chiếc máy bay đầu tiên ra đời báo hiệu ngành hàng không xuất hiện.

- Nông nghiệp: máy kéo, gặt, đập, sử dụng phân bón hóa học, luân canh...nên năng suất tăng cao.

* **Kết luận:** những tiến bộ về KH – KT trên đã làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế TBCN

II. Sự hình thành các tổ chức độc quyền.(đọc thêm).

CHƯƠNG III
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN
(TỪ ĐẦU THẾ KỶ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỶ XX)

BÀI 36:
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA
PHONG TRÀO CÔNG NHÂN

1. Sự ra đời và tình cảnh của giai cấp vô sản công nghiệp. Những cuộc đấu tranh đầu tiên:

2. Phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở nửa đầu thế kỷ XIX

- 1831, công nhân dệt tơ thành phố Li-ông (Pháp) khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm.
- Từ 1836 – 1848, phong trào Hiến chương (Anh) đưa kiến nghị đến Quốc hội đòi quyền bầu cử.
- 1844, công nhân dệt vùng Sơ-lê-din (Đức) khởi nghĩa chống sự hà khắc của chủ xưởng và điều kiện lao động tồi tệ.

+Kết quả:

-Phong trào đấu tranh thất bại, vì chưa có đường lối đúng đắn.

-Đánh dấu sự trưởng thành của giai cấp công nhân.

3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng

+ Hoàn cảnh ra đời:

-Chủ NTB phát triển bộc lộ những mặt trái của nó.

-Thông cảm với nỗi khổ cực của những người lao động, một số người tư sản tiến bộ đã đề xuất một chế độ xã hội tốt đẹp hơn

-Đại diện Xanhximông, Phuriê, Ô-oen.

+ Mặt tích cực:

Nhận thức được mặt trái của chế độ tư bản là bóc lột tàn bạo người lao động, phê phán sâu sắc xã hội đó, dự đoán thiên tài về xã hội tương lai.

+ Mặt hạn chế:

Đi đến Chủ nghĩa xã hội bằng tuyên truyền, thuyết phục, nêu gương.

+Ý nghĩa: Cổ vũ phong trào đấu tranh của CN, tiền đề của chủ nghĩa Mác.

BÀI 37:
MÁC VÀ ĂNG-GHEN VÀ SỰ RA ĐỜI CỦA
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

1. Buổi đầu hoạt động cách mạng của K. Marx & F. Engels.

2. Tổ chức Đồng minh những người cộng sản và Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản:

- Ngoài việc nghiên cứu lý luận C.Mác và Ăngghen đặc biệt quan tâm xây dựng một chính Đảng độc lập cho giai cấp vô sản.

- Tháng 6 – 1847 Đồng minh những người cộng sản ra đời.

- Mục đích: lật đổ giai cấp tư sản, xác định sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ.

- Tháng 2/1848 Tuyên ngôn Đảng cộng sản ra đời, do C.Mác và Ăngghen soạn thảo.

*** Nội dung:**

+ Chủ nghĩa tư bản ra đời là bước tiến, song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu phải nổ ra.

+ Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò của giai cấp vô sản là lãnh đạo cách mạng. Muốn cách mạng thắng lợi cần phải có chính đảng tiên phong của mình.

+ Trình bày một cách hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

- Ý nghĩa:

+ Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học đấu tranh bước đầu kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

+ Từ đây giai cấp công nhân đã có lý luận cách mạng soi đường.

Kết luận: Marx & Engels đã có công lao to lớn đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

CNXH khoa học do hai ông sáng lập là đỉnh cao của tư duy lý luận của nhân loại lúc bấy giờ và là di sản vô giá mãi mãi về sau.